

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/DS-PT

Ngày: 24-02-2025

"V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán:

Ông **Vũ Thế Mạnh**

Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trịnh Kim Cương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Đào Thị Ngọc Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2025; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Quốc V, sinh ngày 14/09/1978

Địa chỉ: L đường L, khu đô thị P, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Tổng Công ty cổ phần B

Địa chỉ: Số B T, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Anh T**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1995, chức vụ: Chuyên viên pháp lý (Có mặt).

Nơi làm việc: Số B T, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Đặng Quang T1**, chức vụ: Chuyên viên ban bảo hiểm xe cơ giới.

Nơi làm việc: Số B T, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Nguyễn Phương T2**, sinh ngày 19/05/1984, Chức vụ: Trưởng phòng bồi thường Công ty B1.

Địa chỉ: Số A đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Theo giấy ủy quyền số 0742/2024-BM/VP ngày 09/05/2024)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quốc N, sinh ngày 16/10/2001.

Địa chỉ: Tô A, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Tổng Công ty cổ phần B**.

(*Tại phiên tòa các ông bà: Ông Trương Quốc V, ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Phương T2 có mặt; còn lại các đương sự khác vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/03/2004, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Quốc V trình bày:**

Ông Trương Quốc V là chủ ở hữu xe ô tô, nhãn hiệu KIA K5-2022, 05 chỗ ngồi, số máy G4KNMH225246, số khung RNYGC47A8MC237991, biển kiểm soát 68A-259.13 theo giấy đăng ký xe ô tô số 68 011251, do Công an tỉnh K (Phòng C cấp ngày 18/11/2022). Xe ô tô biển kiểm soát 68A-259.13 của ông Trương Quốc V có mua bảo hiểm của Tổng Công ty cổ phần B, Công ty B1 và đã được cấp giấy yêu cầu bảo hiểm xe cơ giới số VAP/02482964 ngày 17/11/2023, hiệu lực bảo hiểm từ 00h00 ngày 20/11/2023 đến 24h00 ngày 19/11/2024. Đến 00 giờ 45 phút ngày 29/12/2023 xe ô tô biển kiểm soát 68A-259.13 của ông V xảy ra tai nạn tại Cầu T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, do anh Nguyễn Quốc N điều khiển (có giấy phép lái xe), sau khi xảy ra sự việc ông V có báo với Công ty B1 để thực hiện hỗ trợ giải quyết. Công ty B1 có cử người đến xác minh, kiểm tra, hướng dẫn chủ xe, tài xế làm các thủ tục để hoàn thiện hồ sơ bảo hiểm theo hợp đồng. Công ty B1 đã kéo xe về trụ sở và phía Công ty B1 cũng có văn bản về duyệt giá để khắc phục hậu quả và đã đưa xe qua hãng sửa xe C1 và được Cơ Khí K gửi báo giá cho Công ty B1. Tuy nhiên, đến ngày 24/01/2024 Công ty B1 có Thông báo số 021 về việc giải quyết thiệt hại xe ô tô biển kiểm soát 68A-259.13, không thuộc phạm vi trách nhiệm của Bảo M, lý do "*Lái xe đang điều khiển xe trên đường mà có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt quá quy định của pháp luật hiện hành hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm*" nhưng tại phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu cũng như bản trưng cầu nồng độ cồn trong máu của anh Nguyễn Quốc N là 1,58mmol/L là thấp hơn so với Quyết định số 320/QĐ-BYT ngày 23/01/2014 của Bộ Y. Do xe đã được đưa về hãng sửa xe nên ông V đã yêu cầu sửa xe theo báo giá của Công ty B1. Từ ngày 24/01/2024 đến ngày 09/05/2024 thì hoàn thành và ông V đã nhận xe. Chi phí sửa chữa là 326.386.330 đồng theo hoá đơn giá trị gia tăng ngày 09/05/2024. Ngoài ra, ông V yêu cầu Bảo hiểm chi trả tiền hợp đồng thuê xe trong thời gian sửa chữa xe theo hợp đồng thuê xe số 62 ngày 24/01/2024, thời gian từ 24/01/2024 đến 24/04/2024 là số tiền 39.000.000 đồng và Chi phí cầu xe từ chỗ bị tai nạn về trụ sở bảo hiểm là: 2.500.000 đồng. Tại

phiên hoà giải ngày 30/07/2024, ông V thay đổi yêu cầu: Ông Trương Quốc V yêu cầu Công ty cổ phần B1 bồi thường bảo hiểm: 1) T3 sửa xe 326.368.330 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 09/05/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm; 2) Tiền chi phí cầu xe từ chỗ bị tai nạn về trụ sở bảo hiểm là 2.500.000 đồng. Tổng số tiền ông V yêu cầu bồi thường là 328.868.330 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi đồng*).

*** Theo văn bản trình bày ý kiến và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của đại diện ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Phương T2 trình bày:**

- Ngày 17/11/2023, Công ty B1 đã cấp đơn bảo hiểm số VAP/02482964 cho ông Trương Quốc V, đối tượng bảo hiểm là xe ô tô biển kiểm soát 68A-259.13; Loại hợp đồng: Bảo hiểm tự nguyện và bắt buộc; Điều kiện bảo hiểm: (1) Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới ban hành ngày 06/09/2023 theo Nghị định 67/2023/NĐ-CP. (2) QTBH tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo quyết định số 2288/2018-BM/XCG ngày 06/12/2018; Thời hạn bảo hiểm: từ 00h 00 phút 20/11/2023 đến 24h 00 phút ngày 19/11/2024. Thời điểm xảy ra tai nạn vào 00 giờ 45 phút ngày 29/12/2023 tại Cầu T hướng H về Rạch G, xe ô tô biển kiểm soát 68A-259.13 anh V là chủ sở hữu do lái xe là Nguyễn Quốc N điều khiển vẫn còn trong thời hạn bảo hiểm và Công ty B1 đã thực hiện việc giám định để xác định nguyên nhân và đánh giá mức độ thiệt hại để làm cơ sở xem xét giải quyết bồi thường. Theo đó, nguyên nhân tổn thất là do *“anh Nguyễn Quốc N, điều khiển xe ô tô tải biển số 68A-259.13 do bất cẩn, lạng tay lái va chạm vào thành cầu T bên phải theo chiều lưu thông sau đó va tiếp cọc tiêu và lao đến sân nhà dân gần chân cầu”*.

Về nồng độ cồn của lái xe Nguyễn Quốc N, ngày 29/12/2023, Bệnh viện B2 đã xác nhận nồng độ cồn của lái xe là 1,58mmol/l.

Ông Trương Quốc V đã có yêu cầu Bảo M bồi thường số tiền liên quan đến việc sửa chữa xe 68A-259.13.

Theo đó, Bảo M đã có Công văn số 021/2024-BMKG/PBT ngày 24/01/2024 thông báo từ chối bồi thường sự cố liên quan đến xe 68A-259.13.

Với các lý do: Căn cứ Điều 8.8 Luật Giao thông đường bộ được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 35 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia 2019: *“Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”*. Như vậy, nồng độ cồn cho phép khi lái xe ô tô là mức 0mg/100ml máu” và Quy tắc bảo hiểm 2288 của Bảo M. Căn cứ điểm 4 Điều 17 Những trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm của Quy tắc bảo hiểm 2288 quy định: *“Lái xe đang điều khiển xe trên đường mà có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt quá quy định của pháp luật hiện hành hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm.”*

Xét rằng nồng độ cồn của lái xe Nguyễn Quốc N đã được Bệnh viện B2 xác nhận như sau: “nồng độ của lái xe là 1.58 mmol/l ”.

Do đó, tại thời điểm điều khiển xe 68A-259.13 gây tai nạn lái xe Nguyễn Quốc N đang trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu – là trường hợp vi phạm pháp luật nên không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường bảo hiểm của Bảo M.

Tổng Công ty cổ phần B đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Bảo M-Doanh nghiệp bảo hiểm có phần vốn góp của Nhà nước.

Tại biên bản hoà giải ngày 30/07/2024, đại diện Công ty Cổ phần B1 có ý kiến về việc yêu cầu của ông V về yêu cầu tính lãi suất, đại diện bị đơn Công ty CP B1 yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật; Đối với yêu cầu trả tiền thuê xe cầu 2.500.000 đồng thừa nhận Bảo M có thuê xe cầu nhưng ông V là người trả tiền. Trường hợp Tòa án buộc Công ty B1 chi trả tiền bồi thường sửa xe cho ông V thì tiền cầu xe là thuộc trong phạm vi hưởng bảo hiểm nên đồng ý trả tiền thuê cầu xe và ngược lại thì Công ty B1 không chi trả.

*** Theo biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc N trình bày:**

Trưa ngày 28/12/2023, ông N được ông Trương Quốc V thuê làm tài xế lái xe biển kiểm soát 68-259.13 chở ông Trương Quốc V đi từ Rạch G đến H. Đến khoảng 20 giờ thì từ H N điều khiển xe về Rạch G, trên đường về đang điều khiển trên quốc lộ H đến Cầu T thì xảy ra tai nạn khoảng hơn 24 giờ ngày 29/12/2023, do ông N đã lơ là nên bị lạc tay lái nên đụng vào cột điện, hậu quả làm hư hỏng xe nặng. Người trên xe không ai bị thương tích.

Ông N xác định, do ông N lái xe thuê liên tục nên trước ngày xảy ra tai nạn khoảng hơn 01 tháng ông N không có sử dụng rượu bia. Sau khi xảy ra tai nạn Công ty B1 có yêu cầu ông N đến bệnh viện B2 xét nghiệm nồng độ cồn vào đầu giờ làm việc buổi chiều 29 tháng 12 năm 2023, và kết quả là nồng độ của lái xe là 1.58 mmol/l.

Sau khi ông V sửa xe thì ông N có đưa cho anh V 20.000.000 đồng để anh V trả một phần tiền sửa xe, ông V có nói nếu bảo hiểm bồi thường cho ông V thì ông V sẽ trả lại cho ông N. Việc ông N đưa tiền cho ông V, ông N không có yêu cầu ông V trả lại trong vụ kiện này, ông N và ông V sẽ tự thoả thuận với nhau, nếu sau này không tự thoả thuận được nếu cần thiết tôi sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại phiên toà cấp sơ thẩm nguyên đơn Ông Trương Quốc V đã thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể: Ông N rút lại yêu cầu đối với số tiền thuê hợp đồng xe 03 tháng là 39.000.000 đồng. Nay ông V yêu cầu Công ty cổ phần B1 bồi thường bảo hiểm các khoản gồm:

1. Tiền sửa xe 326.368.330 đồng và yêu cầu tinh lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 09/05/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm;

2. Tiền chi phí cầu xe từ chỗ bị tai nạn về trụ sở bảo hiểm là 2.500.000 đồng. Tổng số tiền ông V yêu cầu bồi thường là 328.868.330 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi đồng*).

- Đại diện Công ty Cổ phần B1 không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp Toà án buộc Công ty B1 chi trả tiền bồi thường sửa xe cho ông V thì tiền thuê cầu xe là thuộc trong phạm vi hưởng bảo hiểm nên đồng ý trả tiền thuê cầu xe và ngược lại thì Công ty B1 không chi trả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quốc N có đơn xin vắng mặt và giữ lời khai tại Toà án.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Quốc V về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” với bị đơn Tổng Công ty cổ phần B.

Buộc Tổng Công ty cổ phần B phải chi trả cho ông Trương Quốc V số tiền bảo hiểm là 338.620.251 đồng (*Ba trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn hai trăm năm mươi một đồng*). (Bao gồm chi phí sửa chữa xe 326.368.330 đồng và phí cầu xe về hãng sửa chữa 2.500.000 đồng và tiền lãi 9.751.885 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 29/8/2024 bị đơn Tổng Công ty cổ phần B có đơn kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét xử bản án sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do là cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án và không đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án

đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty cổ phần B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty cổ phần B về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa các ông bà: Ông Trương Quốc V, ông Nguyễn Hoàng A, bà Nguyễn Phương T2 có mặt; còn lại các đương sự khác vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt có đại diện theo ủy quyền. Nên áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Bị đơn Tổng Công ty cổ phần B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xử bản án sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do là cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án và không đúng với quy định của pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên đương sự thống nhất sự việc ngày 17/11/2023 ông Trương Quốc V ký Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số VAP/02482964 do Công ty B1 phát hành, đối tượng bảo hiểm là xe ô tô biển số 68A-259.13, hiệu lực từ 00 giờ ngày 20/11/2023 đến 24 giờ 00 phút ngày 19/11/2024 chi phí bảo hiểm 9.231.700 đồng (Chín triệu hai trăm ba mươi một nghìn bảy trăm đồng).

Xe ô tô biển số 68A-259.13 theo hợp đồng bảo hiểm nói trên, vào ngày ngày 29/12/2023, tài xế Nguyễn Quốc N do ông V thuê lái xe chở ông V xảy ra tai nạn do bất cẩn, lạc tay lái va chạm vào thành cầu T (thuộc xã M, huyện H) bên phải theo chiều lưu thông sau đó va tiếp cọc tiêu và lao đến sân nhà dân gần chân cầu” trên đường Q, hướng từ H về Rạch G làm xe hư hỏng nặng. Sau khi xảy ra sự việc ông V có thông báo cho Công ty B1 và có cử cán bộ đến xác minh, kiểm tra và hướng dẫn tài xế, chủ xe làm các thủ tục để hoàn thiện hồ sơ bảo hiểm. Ngày 19/01/2024, Công ty B1 đồng ý duyệt giá sửa chữa xe với số tiền 302.269.000 đồng theo Thông báo số 0133/2024/BM/XCG. Đến ngày

24/01/2024, ông V nhận được Công văn số 021/2024-BMKG/PBT về việc từ chối bồi thường của Công ty B1. Ông V yêu cầu Tổng Công ty B phải bồi thường tổng số tiền là 328.868.330 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi đồng*) (gồm chi phí sửa chữa xe 326.368.330 đồng và phí cầu xe về hãng sửa chữa 2.500.000 đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền sửa xe 326.368.330 đồng từ ngày 09/05/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Sau đó Công ty B1 yêu cầu Nguyễn Quốc N xét nghiệm nồng độ cồn tại Bệnh viện B2 và có kết quả nồng độ của lái xe Nguyễn Quốc N là 1.58 mmol/l, vào lúc 16 giờ ngày 29/12/2024. Do đó, Công ty B1 từ chối bồi thường bảo hiểm đối với ông V căn cứ khoản 4, Điều 17, Quy tắc 2288 qui định: “Lái xe điều khiển xe trên đường mà nồng độ cồn trong máu hoặc khi thở vượt quá qui định hiện hành hoặc sử dụng các chất kích thích mà pháp luật cấm”. Theo khoản 8, Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 qui định các hành vi bị nghiêm cấm gồm: “Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc khi thở có nồng độ cồn”.

[4] Xét thấy, theo Công văn số 11/CAX ngày 15/7/2024 của Công an xã M, huyện H thì: “Vào ngày 28/12/2023 đến sáng ngày 29/12/2023 trên địa bàn xã M không có tiếp nhận vụ tai nạn giao thông nào (không có người trình báo). Đến chiều ngày 29/12/2023, ông Nguyễn Quốc N, sinh ngày 16/10/2001 tại địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là người điều khiển xe biển số 68A-259.13 có đến Công an xã M sự việc xảy ra tai nạn vào khoảng 00 giờ 45 phút ngày 29/12/2023 thì Công an xã M có tiến hành xác minh sự việc là có sự việc xảy ra tai nạn đúng và có xác nhận vào bản tường trình của ông N để thanh toán bảo hiểm. Ngoài ra, Công an xã M không có lập biên bản xảy ra sự việc nên không có hồ sơ vụ việc.

Tại Công văn hồi đáp số 366/BA-KHTH ngày 14/06/2024 của Bệnh viện B2 trả lời: Phòng xét nghiệm nhanh rút máu thực hiện xét nghiệm định lượng Ethanol (Cồn) tại phòng xét nghiệm nhanh và trả kết quả cho khách hàng. Không yêu cầu khám, điều trị nên không ghi nhận các triệu chứng của người bệnh lúc xét nghiệm. Từ đó cho thấy, Bệnh viện B2 và Cơ quan Công an xã M đều không có kết luận nào cho rằng nồng độ cồn trong máu của tài xế Nguyễn Quốc N là do uống rượu, bia và tại phiên toà đại diện uỷ quyền của Công ty B1 cũng xác định khi làm việc với Nguyễn Quốc N vào sáng ngày 29/12/2023 N có trạng thái rất tỉnh và bình thường. Bên cạnh đó nồng độ cồn trong máu của tài xế Nguyễn Quốc N (1,58 mmol/l) thấp hơn trị số của người bình thường theo Quyết định số 320/QĐ-BYT về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa sinh” của Bộ Y ban hành hành ngày 23/01/2014 xác định “*Trị số bình thường: <10.9mmol/L*”. Tổng Công ty B căn cứ các quy định tại khoản 4 Điều 17 Quy tắc 2288 của Tổng Công ty B quy định trường hợp loại trừ bảo hiểm là “Lái xe điều khiển trên đường mà nồng độ cồn trong máu hoặc

khí thở vượt quá qui định hiện hành hoặc sử dụng các chất kích thích mà pháp luật cấm". Căn cứ khoản 8, Điều 8 Luật Giao thông đường bộ Quy định các hành vi bị nghiêm cấm "Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn" và Luật Phòng chống tác hại của rượu bia để xác định yêu cầu bồi thường của ông Trương Quốc V thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm và từ chối bồi thường cho ông V là không phù hợp. Các chứng cứ trên được thu thập và lời trình bày của đại diện bị đơn là đều phù hợp với nhau về trạng thái của lái xe Nguyễn Quốc N khi tham gia giao thông là tỉnh và không có dấu hiệu uống rượu, bia khi tham gia giao thông. Hơn nữa, quá trình xác minh thu thập chứng cứ cán bộ Công ty B1 đã xác định nguyên nhân chính gây ra tai nạn là do lái xe Nguyễn Quốc N thiếu chú ý quan sát dẫn đến xảy ra tai nạn. Như vậy việc Công ty B1 chỉ căn cứ vào kết quả kiểm tra nồng độ cồn thể hiện tại phiếu xét nghiệm của Bệnh viện B2 của Nguyễn Quốc N là 1,58mmol/L để áp dụng vào điều khoản loại trừ là không có cơ sở. Bởi lẽ; tại Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định "*2. Trường hợp có điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp B3, chi nhánh doanh nghiệp B3 nước ngoài phải quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm, phải giải thích rõ ràng, đầy đủ và có bằng chứng xác nhận việc bên mua bảo hiểm đã được doanh nghiệp B3, chi nhánh doanh nghiệp B3 nước ngoài giải thích đầy đủ và hiểu rõ nội dung này khi giao kết hợp đồng bảo hiểm*" nhưng qua xem xét thấy không thể hiện việc Công ty B1 có giải thích về điều khoản loại trừ cho khách hàng là ông Trương Quốc V biết. Mặc dù tại phiên tòa cũng như trong quá trình, đại diện cho Công ty B1 cho rằng có giải thích các Quy tắc bảo hiểm cho khách hàng thể hiện tại Giấy yêu cầu bảo hiểm xe cơ giới nhưng không có cam kết gì của khách hàng khi được tư vấn cụ thể quy tắc bảo hiểm mặc dù ông V thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy yêu cầu bảo hiểm xe cơ giới là của ông V nhưng việc này không đồng nghĩa với việc Bảo M có giải thích rõ ràng các điều khoản loại trừ như quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm và tại khoản 2 Điều 20 Luật kinh doanh bảo hiểm cũng quy định: "*Giải thích rõ ràng, đầy đủ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm*". Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 24/05/2024 của cán bộ khai thác thuộc Công ty B4 "không tư vấn cụ thể đối với nồng độ cồn khi tham gia giao thông mà chỉ tư vấn là người điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông đúng quy định pháp luật. Tư vấn quyền lợi trong quy tắc bảo hiểm và các điểm loại trừ trong quy tắc bảo hiểm. Không có yêu cầu khách hàng làm văn bản yêu cầu cam kết đã được giải thích quy tắc bảo hiểm". Do đó, thấy rằng yêu cầu bồi thường của ông Trương Quốc V thuộc phạm vi bảo hiểm quy định tại Điều 16 chứ không phải thuộc điểm loại trừ tại khoản 4 Điều 17 Quy tắc 2288 như Công ty B1 đã đưa ra để từ chối yêu cầu bồi thường của ông V.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trương Quốc V về việc yêu cầu Tổng Công ty B bồi thường bảo hiểm tổng số tiền 328.868.330 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi đồng*) (bao gồm chi phí sửa chữa xe 326.368.330 đồng và phí cầu xe về hãng sửa chữa 2.500.000 đồng) như cấp sơ thẩm đã xem xét là có căn cứ.

[5] Đối với việc ông V yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 09/05/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm đối với số tiền 326.368.330 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Quy tắc 2288 của Tổng Công ty B và khoản 2 Điều 31 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022 với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp. Như vậy, lãi suất được tính như sau: $10\%/năm : 12 \text{ tháng} = 0,83\%/tháng$ từ 09/05/2024 cho đến ngày xét xử 27/08/2024 là 03 tháng 18 ngày, cụ thể: $(326.368.330 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 03 \text{ tháng} 18 \text{ ngày} = 9.751.885 \text{ đồng}$ (*Chín triệu bảy trăm năm mươi một nghìn tam trăm tám mươi lăm đồng*). Như vậy cấp sơ thẩm đã tính đúng và phù hợp với pháp luật. Tổng cộng số tiền phải trả là 338.620.251 đồng (*Ba trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn hai trăm năm mươi một đồng*). (bao gồm chi phí sửa chữa xe 326.368.330 đồng và phí cầu xe về hãng sửa chữa 2.500.000 đồng và tiền lãi là 9.751.885 đồng).

[6] Đối với việc ông Nguyễn Quốc N cho rằng có đưa cho ông V số tiền 20.000.000 đồng để trả tiền sửa xe, giữa ông V và ông N có thoả thuận khi nào nhận được tiền bảo hiểm bồi thường thì trả lại cho ông N, ông N không có yêu cầu trong vụ án này nên không xem xét, nếu không ông N có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác, là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội.

[7] Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn ông V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hợp đồng thuê xe là 39.000.000 đồng, xét thấy việc rút đơn này là tự nguyện nên căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của ông V. Cấp sơ thẩm có nhận định phần này nhưng lại không quyết định trong phần quyết định nên cấp phúc thẩm ghi vào phần quyết định cho phù hợp với pháp luật và không ảnh hưởng đến tổng thể nội dung vụ án.

[8] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với pháp luật.

[9] Về án phí dân sự: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 6; Điều 12, Điều 14, Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông V được chấp nhận nên Tổng công ty cổ phần B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật trên số tiền phải trả 338.620.251 đồng x 5% = 16.931.012 đồng (*Mười sáu triệu chín trăm ba mươi một nghìn không trăm mười hai đồng*).

- Buộc Tổng Công ty cổ phần B phải chịu án phí sơ thẩm là 16.931.012 đồng (*Mười sáu triệu chín trăm ba mươi một nghìn không trăm mười hai đồng*).

- Hoàn trả cho ông Trương Quốc V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.317.000 đồng (Chín triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006255 ngày 19/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[9.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng công ty cổ phần B phải nộp án phí.

- Buộc Tổng Công ty cổ phần B phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007537 ngày 27/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (do bà Nguyễn Phương T2 đã nộp thay).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Căn cứ các Điều 19, Điều 20 và Điều 31 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 6; Điều 12, Điều 14, Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần B.
 - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Quốc V về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” với bị đơn Tổng Công ty cổ phần B.

Buộc Tổng Công ty cổ phần B phải chi trả cho ông Trương Quốc V số tiền bảo hiểm là 338.620.251 đồng (*Ba trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn hai trăm năm mươi một đồng*). (Trong đó: Bao gồm chi phí sửa chữa xe 326.368.330 đồng và phí cầu xe về hãng sửa chữa 2.500.000 đồng và tiền lãi là 9.751.885 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hợp đồng thuê xe là 39.000.000 đồng, do ông Trương Quốc V đã rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Tổng Công ty cổ phần B phải chịu án phí sơ thẩm là 16.931.012 đồng (Mười sáu triệu chín trăm ba mươi một nghìn không trăm mười hai đồng).

- Hoàn trả cho ông Trương Quốc V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.317.000 đồng (Chín triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006255 ngày 19/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Tổng Công ty cổ phần B phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007537 ngày 27/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. (do bà Nguyễn Phương T2 đã nộp thay).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. Rạch Giá;
- THA dân sự TP. Rạch Giá ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

